

Bản án số: 18/2020/HS-ST  
Ngày 11-6-2020

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, BÌNH PHƯỚC

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Hải

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Chí Vương  
Ông Điều Mẫn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:** Ông Dương Văn Sáu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc H (tên gọi khác: không), sinh ngày 09/5/2003, tại Bà Rịa Vũng Tàu; HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 9, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn O và bà Nguyễn Thị T; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn V (tên gọi khác: V1), sinh năm 1985, tại Thanh Hóa; HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 6, ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Đỗ Thị S; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Ngọc H:*

Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1979, bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979. Cùng trú tại tổ 9, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Có mặt

*Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc H:*

Bà Vũ Thị Hải A, sinh năm 1976 - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Sở tư pháp tỉnh Bình Phước. Có mặt

*Bị hại:* Anh Đỗ Văn S, sinh năm 1975 (đã chết).

*Người đại diện hợp pháp của người bị hại:*

1. Chị Trần Thị Kim Nh, sinh năm 1974. Trú tại: Tổ 3, ấp 6, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước. Có mặt

2. Ông Đỗ Văn B, sinh năm 1950. Có mặt

3. Bà Đào Thị Th, sinh năm 1953. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

Đại diện theo ủy quyền của ông B, bà Th:

Chị Trần Thị Kim Nh, sinh năm 1974. Trú tại: Tổ 3, ấp 6, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước theo văn bản ủy quyền ngày 24/02/2020.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần H, sinh năm 1962. Trú tại: Tổ 6, ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Có mặt

2. Bà Đỗ Thị S, sinh năm 1955. Trú tại tổ 6, ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Có mặt

*Người làm chứng:*

Cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 2003. Vắng mặt

Người giám hộ: Chị Tống Thị Ng, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Cùng trú tại tổ 7, ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn V và Nguyễn Ngọc H là người làm thuê cho ông Trần H tại tổ 6, ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 21/6/2019, V điều khiển xe mô tô ba bánh, biển kiểm soát 93H1-1489 chở H đi giao hàng (sắt thép) tại xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Sau khi giao hàng xong, V điều khiển xe ba bánh chở H từ xã L về xã T. Khi đi đến cầu S xe ba bánh bị tắt máy, V đề máy khởi động xe nhưng không nổ, thấy vậy H nói “Em đề nổ, anh cho em mượn xe tập chạy một đoạn nha”, thì V trả lời “Ừ”. Sau đó, H lên xe đề máy khoảng 2 - 3 lần thì xe nổ và điều khiển xe chạy còn V leo ra thùng xe phía sau ngồi. Khi H điều khiển xe chạy được khoảng gần 600 mét đến đoạn đường thuộc tổ 7, ấp T, xã T với vận tốc khoảng 40 - 45km/h, thấy phía trước khoảng 30m có anh Đỗ Văn S, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 93H5-2758 chở theo vợ là Trần Thị Kim Nh lưu thông theo hướng ngược lại. Do bất ngờ khi thấy xe mô tô của anh S, H xử lý không kịp, bị lạc tay lái điều khiển xe qua bên trái dẫn đến tai nạn giao thông, làm cho anh S,

chị Nh té xuống đường. Xe ba bánh tiếp tục chạy khoảng 5m tông vào cây xà cừ ven đường thì dừng lại. Hậu quả anh S tử vong tại chỗ, chị Nh bị thương đưa đi cấp cứu tại bệnh viện.

Quá trình điều tra, Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Văn V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vị trí va chạm của hai xe khi xảy ra tai nạn giao thông: Vị trí va chạm hai xe trên phần đường bên trái theo chiều lưu thông của xe mô tô do H điều khiển. Khi xảy ra tai nạn, phần đầu của xe mô tô biển kiểm soát: 93H5-2758 do anh S điều khiển va chạm vào thùng xe phía trước bên phải xe mô tô ba bánh biển kiểm soát 93H1-1489 do H điều khiển dẫn đến tai nạn giao thông.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 189/2019/GDPY ngày 25/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Dấu hiệu chính qua giám định: Đa vết thương phần mềm, tập trung ở vùng mặt, ngực; Vỡ xương sọ, mặt; Giập não; Giập phổi, vỡ tim.

Nguyên nhân chết: Đỗ Văn S, sinh năm 1976 bị chấn thương sọ não hở và chấn thương ngực kín gây dập não, vỡ tim dẫn đến tử vong.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số: 5037/C09B ngày 19/11/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại TP. Hồ Chí Minh kết luận: tại thời điểm giám định (tháng 11 năm 2019) Nguyễn Ngọc H có độ tuổi từ: 16 năm 06 tháng đến 17 năm.

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 03/4/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc H về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn V về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 của Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ nguyên quan điểm của bản Cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 03/4/2020, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn V về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 của Bộ luật hình sự. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 54, 101 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo H mức án từ 18

tháng đến 24 tháng tù. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 264; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo V mức án từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

Người bào chữa cho bị cáo H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho bị cáo H tình tiết giảm nhẹ là đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và đề nghị xử phạt bị cáo H mức án 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo H xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo làm phụ giúp gia đình bị hại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1]. Trong quá trình điều tra, truy tố, các hành vi, quyết định của cơ quan điều tra Công an, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét thấy, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định, kết luận pháp y, vật chứng của vụ án cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Ngày 21/6/2019, V được ông H giao điều khiển xe mô tô ba bánh, biển kiểm soát 93H1-1489 chở hàng cùng H đi đến L giao hàng cho khách. Khi quay về đến T, do xe chết máy nên V giao cho H (không có giấy phép lái xe) nổ máy và lái xe đi về. Khoảng 10 giờ, khi đi đến tổ 7, ấp T, xã T, đầu xe do H điều khiển lấn sang lề đường bên trái nhưng H không kịp lái sang phần đường bên phải khiến cho anh Đỗ Văn S chở vợ là Trần Thị Kim Nh trên chiếc xe 93H5-2758 đi ngược chiều tông vào thùng xe do H điều khiển gây tai nạn. Hậu quả là anh S tử vong tại chỗ, chị Nh bị thương.

Hành vi không có giấy phép lái xe điều khiển xe tham gia giao thông, lấn sang phần đường của phương tiện đi ngược chiều là vi phạm vào quy định tại khoản 1 Điều 15, khoản 1 Điều 58 của Luật giao thông đường bộ gây tai nạn làm anh S tử vong của H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Hành vi biết rõ bị cáo H không có giấy phép lái xe nhưng vẫn giao cho H điều khiển xe gây tai nạn khiến 01 người chết của bị cáo V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 của Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo nhận thức được việc không có giấy phép lái xe mà điều kiện phương tiện tham gia giao thông là vi phạm quy định của Luật giao thông đường bộ. Tuy nhiên, vì chủ quan nên mặc dù biết bị cáo H không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ nhưng bị cáo V vẫn giao xe cho bị cáo H chạy. Hậu quả là bị cáo H gây tai nạn và làm anh S tử vong, chị Nh bị thương tích. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, xâm hại đến tính mạng, sức khỏe của người khác, gây đau thương, mất mát cho gia đình nạn nhân. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. Đối với hành vi của bị cáo H: Bị cáo không đủ điều kiện để điều khiển xe mô tô 3 bánh tham gia giao thông (không có giấy phép lái xe, không đủ độ tuổi) nhưng do chủ quan vì quá tự tin nên khi gặp xe của anh S đi ngược chiều, bị cáo không đủ bình tĩnh để xử lý và đã lái xe lấn sang lề bên trái gây tai nạn làm anh S tử vong. Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi, bị cáo H chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng các quy định đối với người chưa thành niên để xem xét hành vi, hậu quả và lượng hình đối với bị cáo.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được Hội đồng xem xét khi lượng hình như: Bị cáo phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả, gia đình người bị hại xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Thấy rằng không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, bị cáo có khả năng tự cải tạo dưới sự giúp đỡ, giám sát của gia đình, địa phương mà không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên chỉ cần áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện theo Điều 65 của Bộ luật hình sự cũng đủ để răn đe, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[5].Đối với bị cáo V:

Biết rõ bị cáo H không đủ độ tuổi, không có giấy phép lái xe nhưng do cầu thả nên bị cáo vẫn giao xe cho bị cáo H điều khiển. Mặc dù không mong muốn hậu quả xảy ra nhưng hành vi của bị cáo đã gián tiếp khiến anh S tử vong. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, gia

đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự được Hội đồng xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục là phù hợp. Do bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, một mình nuôi bố bị tàn tật, mẹ già yếu, em gái bị tâm thần và 01 người cháu nhỏ (có xác nhận của chính quyền địa phương) nên cần miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Đối với thương tích của chị Nh: Chị Nh không yêu cầu giám định nên không xem xét giải quyết.

[6]. Vật chứng của vụ án gồm:

01 Xe mô tô ba bánh, màu xanh, biển kiểm soát: 93H1-1489. Hiện nay chưa xác định được rõ nguồn gốc xe nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau theo quy định nên không xem xét.

[7]. Về trách nhiệm dân sự:

Ông Trần H, gia đình bị cáo H và bị cáo V đã bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền 88.000.000đ. Người đại diện hợp pháp của người bị hại – chị Nh yêu cầu bồi thường số tiền 116.000.000đ gồm số tiền mai táng cho anh S còn thiếu là 12.000.000đ, chi phí điều trị cho chị Nh là 44.000.000đ, tiền tổn thất tinh thần là 60.000.000đ. Ngoài ra cấp dưỡng cho các cháu Đỗ Văn Tuấn A, sinh ngày 30/01/2005 và cháu Đỗ Đức D, sinh ngày 20/01/2008 mỗi cháu một tháng 1.000.000đ cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa, ông H, bị cáo V và đại diện hợp pháp của bị cáo H đồng ý theo yêu cầu của chị Nh. Đây là sự tự nguyện của các bên nên cần ghi nhận.

Đối với số tiền 5.000.000đ bà S đã thay bị cáo V bồi thường cho gia đình người bị hại, bà S không yêu cầu bị cáo V trả lại nên không xem xét.

[8]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[9]. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo V, ông H cùng ông O, bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm tội “Vi phạm quy định về tham

gia giao thông đường bộ ”.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”.

[2]. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 101; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H 18 (mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 264; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Thời hạn thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan được giao giám sát, giáo dục nhận được Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

[3]. Trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 584, 586, 591, 601 bộ luật dân sự, Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn V, ông Trần H cùng ông Nguyễn Văn O, bà Nguyễn Thị T bồi thường cho đại diện hợp pháp của người bị hại ông Đỗ Văn B, bà Đào Thị Th và chị Trần Thị Kim Nh số tiền 116.000.000đ (một trăm mười sáu triệu đồng) trong đó gồm số tiền mai táng cho anh S còn thiếu là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), tiền tổn thất tinh thần là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), chi phí điều trị cho chị Nh là 44.000.000đ (bốn mươi bốn triệu đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn V, ông Trần H cùng ông Nguyễn Văn O, bà Nguyễn Thị T phải cấp dưỡng nuôi con của anh Đỗ Văn S là cháu Đỗ Văn Tuấn A, sinh ngày 30/01/2005 và cháu Đỗ Đức D sinh ngày 20/01/2008 mỗi cháu 1.000.000đ một triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu A và cháu D đủ 18 tuổi.

*“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015”.*

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

[4]. Án phí và quyền kháng cáo:

Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn V, ông Trần H cùng ông Nguyễn Văn O, bà Nguyễn Thị T phải chịu số tiền 5.800.000đ, tiền án phí cấp dưỡng là 300.000đ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H
- Công an huyện H;
- Các bị cáo
- Người tham gia tố tụng
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Minh Hải**